

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Cung

2. Bà Hoàng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: VVT, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1972 tại xã T, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Nơi cư trú: thị trấn H, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Bố: Vũ Văn Nang (đã chết), Mẹ: Trần Thị Liên, sinh năm 1928; gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 6; bị cáo có vợ LTT, sinh năm 1978; có 02 con sinh năm 1997 và 2007.

Tiền sự: không;

Tiền án: 02 tiền án.

- Ngày 03/3/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, VVT chưa thi hành án phần nộp ngân sách nhà nước số tiền 700.000đ thu lời bất chính.

- Ngày 02/8/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2017.

Về nhân thân: Năm 1997 bị TAND huyện Thiệu Hóa xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/01/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: TĐT, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1990 tại xã N, huyện Yên Định, Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện Yên Định, Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Bố: Trịnh Đình Hội, sinh năm 1959, Mẹ: Lê Thị Nguyệt, sinh năm 1958; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 04/12/2017 bị Công an huyện Yên Định, Thanh Hóa xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản, TĐT đã nộp phạt ngày 07/12/2017. Tiền án: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Những người bị hại:*

1. LVH, sinh năm: 1956

Trú tại: Thị trấn X, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

2. TTM, sinh năm: 1967

Trú tại: Thôn 6, xã G, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* LTT, sinh năm: 1978

Trú tại: Thị trấn H, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

- *Những người làm chứng:*

1. Phạm Hoài Thương, sinh năm 1989

Trú tại: Phố 3/2 Thị trấn X, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

2. Các người làm chứng khác gồm: Trần Thị Xuân, sinh năm 1978, Trần Thị Hoa, sinh năm 1976, Phạm Thị Xuân, sinh năm 1968, Lê Trọng Lộc, sinh năm 1960, Phạm Thị Xu, sinh năm 1956, Phạm Văn Tư, sinh năm 1977, Thiều Huy Bộ, sinh năm 1980.

Đều trú tại: xã G, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt tất cả bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 04/10/2018, bị cáo VVT, sinh năm 1972, ở Tiểu khu 4, thị trấn H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, điều khiển xe máy Exciter, màu đen trắng, biển kiểm soát 36B4 – 144.65, chở xe ôm cho một khách đi từ Bến xe nội tỉnh thuộc Thành phố Thanh Hóa về huyện Ngọc Lặc, trên đường quay về, đến Thị trấn X, huyện Yên Định, VVT thấy ngoài đường có nhiều chó nên nảy sinh ý định trộm cắp về làm thịt. Do quen biết từ trước với TĐT, sinh năm 1990, ở thôn Trịnh Xá 3, xã Yên Ninh, huyện Yên Định nên VVT gọi điện thoại cho TĐT rủ đi trộm cắp chó. TĐT đồng ý và bảo VVT đi xuống xã Yên Ninh đón

TĐT. TĐT chuẩn bị 01 bộ kích điện bắt chó, bỏ trong ba lô màu xanh đen, 02 bì xác rắn màu xanh, 01 con dao tự chế bằng sắt và đi ra đường cánh đồng Bọt xã Yên Ninh để chờ VVT. Sau đó VVT đi xe máy đến chỗ TĐT ngồi sau và cùng đi bắt chó. Khi phát hiện có chó ngoài đường VVT lái xe áp sát để TĐT dùng kích điện bắt chó. Cả hai đi đến địa phận xã K thì bắt được 01 con bỏ vào bì xác rắn, sau đó đi lên xã P thì bắt được thêm 01 con. VVT và TĐT tiếp tục đi lên Thị trấn X, khi đi qua ngã ba sân bóng Thị trấn X khoảng 500 mét thì bắt được một con, cạnh khu trồng dứa của dân, sau đó cả hai quay về theo đường cũ. Trên đường về, đến thôn 6, xã G, huyện Yên Định, VVT và TĐT phát hiện 01 con chó màu đen nhà ông LVH đang đi ngoài đường nên VVT áp sát xe, TĐT dùng kích điện bắt chó rồi bỏ vào bì xác rắn. Do bì đã đầy nên cả hai buộc lại, để ở gác xe phía trước và tiếp tục đi thì phát hiện tiếp 01 con chó màu trắng đen, nhà bà TTM, ở thôn 6, xã G đang ở ngoài đường, nên TĐT đã dùng kích điện bắt bỏ vào bì xác rắn thứ hai, TĐT ngồi sau để bì chó vào giữa yên xe và ngồi ôm, rồi cả hai chạy xe máy về. Khi qua cầu xã G khoảng 100 mét thì bị ngã xe máy, lúc đó VVT bất tỉnh, còn TĐT bị người dân phát hiện lừa chạy vào TĐT mồm non xã G, TĐT chạy lên hành lang phía sau tầng hai thì bị ngã, bị dây thông lọng của kích điện quấn và bị điện giật vào bàn tay gây thương tích. Sau đó VVT và TĐT được lực lượng Công an xã G cùng người dân đưa đi cấp cứu.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Định, tổng 05 con chó có giá trị là 4.387.500đ. Riêng đối với 02 con chó xác định được chủ sở hữu gồm: con chó nhà ông LVH có giá trị 487.500đ, con chó nhà bà TTM có giá trị 715.000đ. Tổng giá trị hai con chó nhà ông LVH và bà Mười là 1.202.500đ.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra phối hợp với chính quyền địa phương các xã, thực hiện thông báo rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng trên tất cả các xã mà các bị cáo khai báo đã bắt chó để tìm kiếm người bị mất tài sản, nhưng ngoài ông LVH và bà Mười thì không thấy có thêm người đến khai báo mất chó vào đêm ngày 04/10/2018.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-YĐ ngày 26/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố các bị cáo VVT, TĐT về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt VVT từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (15/01/2019).

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt TĐT từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 584, 587, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông LVH 487.500đ, bồi thường cho bà Mười 715.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng: 01 kích điện được nối với dây kim loại, 02 bì xác rắn, 01 con dao tự chế bằng kim loại, 01 ba lô màu xanh đen, 01 mũ bảo hiểm màu xanh đen là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy Exciter màu trắng đen, biển kiểm soát 36B4 – 144.65, đăng ký xe mang tên Lê Xuân An; trả lại cho chị LTT (vợ bị cáo VVT) $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo VVT, TĐT khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người VVT hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo VVT, TĐT đã thừa nhận: Vào đêm ngày 04/10/2018, các bị cáo đã có hành vi lén lút trộm 05 con chó, trong đó xác định được chủ sở hữu của 02 con là chó của ông LVH và của bà TTM. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, tang vật thu giữ cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù các bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt 05 con chó, nhưng do các bị cáo xâm phạm quan hệ sở hữu, nên chỉ có 02 hành vi trộm cắp chó đã xác định được chủ sở hữu là đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Vì vậy chỉ có cơ sở truy tố, xét xử các bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là 02 con chó của ông LVH và bà Mười với tổng giá trị 1.202.500đ.

Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo như trên, tuy giá trị tài sản bị truy tố dưới 2.000.000đ, nhưng khi thực hiện bị cáo VVT đang có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị cáo TĐT có 01 tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo VVT, TĐT phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với hành vi bắt 03 con chó còn lại mà các bị cáo đã trộm được ngày 04/10/2018, quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Định đã VVT hành xác minh nhưng chưa xác định được người bị mất tài sản. Các hành vi này

Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Yên Định đang tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này, bị cáo VVT đã có tiền án về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, bị cáo TĐT đã bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa hết thời gian theo quy định của pháp luật để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nay lại thực hiện 02 lần hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Yên Định, mỗi lần thực hiện hành vi trộm cắp đã thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội trộm cắp tài sản, do vậy bị cáo VVT và bị cáo TĐT đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Phạm tội từ 02 lần trở lên”, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo VVT còn bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 vì có tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp được có giá trị không lớn, nên các bị cáo được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Tại bản án số 03 ngày 18/7/1997, VVT bị TAND huyện Thiệu Hóa xử 06 tháng tù cho hưởng án treo, theo xác minh đến nay bị cáo mới chỉ bồi thường được 100.000đ trong tổng số 282.000đ là nghĩa vụ bồi thường mà bị cáo phải thực hiện. Nhưng với giá trị tài sản bị cáo trộm cắp theo bản án là 564.000đ, theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành, thì bị cáo VVT đương nhiên được xóa án tích về hành vi trộm cắp tài sản của bản án này, nên không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chỉ xem xét về nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hình phạt:

Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm, nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc và phân công vai trò từ trước, không có sự cấu kết chặt chẽ, nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo VVT là người khởi xướng, cầm đầu và trực tiếp thực hiện hành vi tội phạm, nên VVT chịu trách nhiệm với vai trò số một trong vụ án. Đối với TĐT khi được VVT rủ đi trộm cắp đã đồng ý và chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm, trực tiếp dùng kích điện bắt chó, nên phải chịu trách nhiệm ở vai trò thứ hai trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Bản thân các bị cáo đang trong độ tuổi lao động nhưng không chịu làm ăn mà lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản phục vụ mục đích cá nhân. Hơn nữa các bị cáo đều có nhân thân xấu, có tiền án, tiền sự, thực hiện tội phạm lần này với nhiều hành vi trộm cắp, ở nhiều xã trong địa bàn huyện Yên Định, gây tâm lý hoang mang, lo lắng,

trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự mới có điều kiện giáo dục các bị cáo thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị hại ông LVH và bà TTM là có căn cứ, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông LVH giá trị con chó là 487.500đ, bồi thường cho bà Mười giá trị con chó là 715.000đ. Tổng giá trị tài sản các bị cáo phải bồi thường là 1.202.500đ.

Xét trên cơ sở vai trò và lỗi của mỗi bị cáo thì mức bồi thường của bị cáo VVT cao hơn bị cáo TĐT, chia theo phần cụ thể: Bị cáo VVT phải bồi thường cho ông LVH 287.500đ, bồi thường cho bà Mười 400.000đ; bị cáo TĐT bồi thường cho ông LVH 200.000đ, bồi thường cho bà Mười 315.000đ. Do bị cáo TĐT đã nộp trước 2.600.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Định, nên sau khi trừ nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại của bị cáo TĐT cho các bị hại, bị cáo TĐT được nhận lại tiền thừa.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 bì xác rắn, 01 con dao tự chế bằng kim loại, 01 ba lô; 01 kích điện thu được đều là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, các vật chứng này đã bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chiếc mũ bảo hiểm là tài sản của bị cáo VVT, không liên quan đến việc phạm tội, nhưng bị cáo xét thấy chiếc mũ đã cũ, không có nhu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 xe máy Exciter màu trắng đen, biển kiểm soát 36B4 – 144.65 là xe vợ chồng bị cáo VVT mua của ông Lê Xuân An để bị cáo hành nghề xe ôm, nhưng bị cáo lại sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã lấy lời khai thể hiện ông An đã bán đứt chiếc xe cho chị LTT (vợ bị cáo), chị LTT không biết việc bị cáo sử dụng xe này vào việc trộm cắp tài sản. Do đó, chỉ tịch thu nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại cho chị LTT $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen của VVT và 01 chiếc điện thoại động Nokia màu đen của TĐT, được VVT và TĐT sử dụng để liên lạc, rủ nhau đi trộm cắp tài sản, trên đường đưa các bị cáo đi cấp cứu đã bị mất, Cơ quan điều tra không thu giữ được, nên không có cơ sở xử lý.

Đối với 05 con chó là tang vật của vụ án, Cơ quan điều tra thu giữ và đã VVT hành tiêu hủy, nên không có cơ sở xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Điều 260, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo VVT và TĐT phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo VVT 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (15/01/2019).

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo TĐT 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 587, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo VVT, TĐT phải liên đới bồi thường cho ông LVH số tiền là 487.500đ, chia theo phần: Bị cáo VVT bồi thường 287.500đ, bị cáo TĐT bồi thường 200.000đ.

Buộc các bị cáo VVT, TĐT phải liên đới bồi thường cho bà TTM số tiền là 715.000đ, chia theo phần: Bị cáo VVT bồi thường 400.000đ, bị cáo TĐT bồi thường 315.000đ.

Sau khi trừ đi số tiền bị cáo TĐT có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông LVH và bà Mười là 515.000đ, Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Định có trách nhiệm trả cho bị cáo TĐT số tiền còn lại là 2.085.000đ (Hai triệu không trăm tám lăm nghìn đồng), theo phiếu thu tiền số AA/2015/0000250 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy các tài sản gồm: 02 bì xác rắn màu xanh trên thân bì có các lỗ hồng nhỏ, 01 mũ bảo hiểm màu xanh đen, 01 con dao tự chế bằng kim loại, 01 ba lô màu xanh đen, có dây chéo đeo, 01 kích điện được nối với dây kim loại là

công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng, theo phiếu nhập kho số NK 23/2019 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Định.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng đen, biển kiểm soát 36B4 – 144.65, số khung RLCE 1S9409Y042648, số máy 1S94-042648, xe đã qua sử dụng; trả lại cho chị LTT $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy, theo phiếu nhập kho số NK 23/2019 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Định.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo VVT, TĐT mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Các bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng